Psa

Chapter 100

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

1

מִזְמוֹר	לְתוֹדָה	הָרִיעוּ	לַיהוָה	כָּל־	הָאָרֶץ׃
bài–thơ	cho–lời–cảm–tạ	reo–hò	cho–Đức–Giê-hô-va	tất–cả	đất
H4210	H8426	H7321	H3068	H3605	H0776

Hỡi cả trái đất, Hãy cất tiếng reo mừng cho Đức Giê-hô-va!

2

עִבְדוּ	אֶת־	יְהוָה	בְּשִׂמְחָה	בֹּאוּ	לְפָנָיו	בִּרְנָנָה׃
phục–vụ	[mục–đích]	Đức–Giê-hô-va	trong–niềm–vui	đến	cho–mặt–người	[H7445]
H5647	H0853	H3068	H8057	H0935	H6440	H7445

Khá hầu việc Đức Giê-hô-va cách vui mừng, Hãy hát xướng mà đến trước mặt Ngài.

3

דְּעוּ	כִּי־	יְהוָה׀	הוּא	אֱלֹהִים	הוּא־	עָשָׂנוּ	[ולא]	)וְלוֹ(
biết	vì	Đức–Giê-hô-va	ấy	Đức–Chúa–Trời	ấy	làm–chúng–tôi	và–không	—
H3045		H3068	H1931	H0430	H1931		H3808	

אֲנַחְנוּ	עַמּוֹ	וְצֹאן	מַרְעִיתוֹ׃
chúng–tôi	dân–chúng–người	và–bầy–chiên	đồng–cỏ–người
H0587		H6629	H4830

Phải biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời. Chính Ngài đã dựng nên chúng tôi, chúng tôi thuộc về Ngài; Chúng tôi là dân sự Ngài, là bầy chiên của đồng cỏ Ngài.

4

בָּאוּ	שְׁעָרָיו	בְּתוֹדָה	חֲצֵרֹתָיו	בִּתְהִלָּה	הוֹדוּ־	לוֹ
đến	cổng–người	trong–lời–cảm–tạ	sân–người	trong–sự–ngợi–khen	cảm–tạ	—
H0935	H8179	H8426		H8416	H3034	

בָּרֲכוּ	שְׁמוֹ׃
chúc–phước	danh–người
H1288	H8034

Hãy cảm tạ mà vào các cửa Ngài, Hãy ngợi khen mà vào hành lang Ngài. Khá cảm tạ Ngài, chúc tụng danh của Ngài.

5

כִּי־	טוֹב	יְהוָה	לְעוֹלָם	חַסְדּוֹ	וְעַד־	דֹּר	וָדֹר
vì	tốt–lành	Đức–Giê-hô-va	cho–đời–đời	sự–nhân–từ–người	và–đến	đời–đời	và–đời–đời
		H3068	H5769		H5704	H1755	H1755

אֱמוּנָתוֹ׃
sự–trung–tín–người
H0530

Vì Đức Giê-hô-va là thiện; sự nhơn từ Ngài hằng có mãi mãi, Và sự thành tín Ngài còn đến đời đời.